

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

(Ban hành kèm theo QĐ số 202 /QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 21 tháng 3 năm 2019 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

THI NGÀY 17/3/2019; CẤP NGÀY 21/3/2019

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
					Đọc	Viết	Nghe	Nói				
1	TAB01	Vũ Quang Cảnh	06/3/1980	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	5,5	6,0	6,0	6,1	TA001428	A3094994	Trung bình
2	TAB02	Cao Đình Cư	05/9/1977	Thuận Thành - Bắc Ninh	7,0	6,5	4,5	3,0	5,3	TA001429	A3094993	Trung bình
3	TAB03	Đình Việt Dũng	03/8/1990	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	6,5	7,5	8,0	7,3	TA001430	A3094992	Khá
4	TAB04	Nguyễn Thị Bích Hạnh	12/10/1982	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	5,5	6,0	7,0	6,3	TA001431	A3094991	Trung bình
5	TAB05	Nguyễn Thị Hằng	05/6/1996	Lục Nam - Bắc Giang	7,0	6,5	8,0	7,0	7,1	TA001432	A3094990	Khá
6	TAB06	Bùi Huy Hiếu	15/9/1992	Phú Xuyên - Hà Nội	6,0	6,5	5,0	6,0	5,9	TA001433	A3094989	Trung bình
7	TAB07	Phạm Văn Hiếu	09/6/1987	Lục Nam - Bắc Giang	7,0	6,5	5,5	5,0	6,0	TA001434	A3094988	Trung bình
8	TAB08	Nguyễn Thị Hòa	10/5/1981	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	4,0	5,4	TA001435	A3094987	Trung bình
9	TAB09	Nguyễn Mạnh Hùng	10/4/1992	Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	6,5	8,0	7,0	TA001436	A3094986	Khá
10	TAB10	Thân Tiến Hùng	20/5/1990	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	5,5	6,5	6,0	6,3	TA001437	A3094985	Trung bình
11	TAB11	Nguyễn Thị Lan	09/9/1973	Ba Vì - Hà Nội	7,0	6,0	5,0	6,0	6,0	TA001438	A3094984	Trung bình
12	TAB13	Hoàng Mai Loan	25/4/1991	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	6,5	5,5	6,0	6,4	TA001439	A3094983	Trung bình
13	TAB14	Trịnh Xuân Long	25/01/1996	Gia Lâm - Hà Nội	7,0	6,5	5,0	6,0	6,1	TA001440	A3094982	Trung bình
14	TAB16	Lê Văn Ninh	23/5/1988	Lục Nam - Bắc Giang	6,0	6,5	5,0	5,0	5,6	TA001441	A3094981	Trung bình
15	TAB17	Nguyễn Thanh Minh	14/11/1980	Tân Yên - Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	5,0	5,6	TA001442	A3094980	Trung bình
16	TAB18	Nguyễn Thị Bích Phương	22/5/1990	Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	6,5	6,0	6,1	TA001443	A3094979	Trung bình
17	TAB19	Lê Đình Quang	25/8/1987	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	7,5	4,5	6,0	6,4	TA001444	A3094978	Trung bình
18	TAB20	Mã Thị Tâm	24/10/1996	Yên Thế - Bắc Giang	7,0	6,5	5,5	7,0	6,5	TA001445	A3094977	Trung bình
19	TAB21	Nguyễn Mạnh Thắng	09/11/1975	Vụ Bản - Nam Định	7,5	7,0	6,0	3,0	5,9	TA001446	A3094976	Trung bình
20	TAB22	Dương Thị Thu	02/01/1985	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	5,5	6,0	6,1	TA001447	A3094975	Trung bình

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
					Đọc	Viết	Nghe	Nói				
21	TAB23	Vũ Văn Thuấn	26/8/1966	Thanh Miện - Hải Dương	7,0	5,5	6,0	3,0	5,4	TA001448	A3094974	Trung bình
22	TAB24	Nguyễn Thu Thủy	15/4/1979	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	6,0	6,0	TA001449	A3094973	Trung bình
23	TAB25	Đỗ Ngọc Tĩnh	28/12/1982	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	5,5	5,0	5,0	5,8	TA001450	A3094972	Trung bình
24	TAB26	Hoàng Thị Thu Trang	09/10/1986	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	7,5	7,0	6,5	7,0	7,0	TA001451	A3094971	Khá
25	TAB27	Nguyễn Văn Trung	07/4/1990	Tân Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	7,0	7,0	7,1	TA001452	A3094970	Khá
26	TAB28	Dương Văn Vân	12/11/1985	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	6,5	5,5	5,0	6,0	TA001453	A3094969	Trung bình
27	TAB29	Doãn Thị Hải Yến	29/01/1990	Quốc Oai - Hà Nội	8,0	7,5	6,5	6,0	7,0	TA001454	A3094968	Khá

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 27./.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra 1 Thư ký Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

TS. Đoàn Văn Soạn

ThS. Nguyễn Việt Đức

ThS. Đỗ Thị Huyền